

Ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam phát triển hơn 20 năm. Sản lượng khai thác sẽ tăng gấp đôi vào năm 2000 và lên đến ba bốn lần vào năm 2010. Trong xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đòi hỏi chất lượng lao động ngành càng phải nâng cao, vì vậy Việt Nam cần thiết phải thành lập Trường Đại học Dầu khí. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh có nhiều lợi thế nhất trong việc tổ chức quản lý trường này.

I. VAI TRÒ CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Ngay sau khi giải phóng miền Nam, ngày 3.9.1975 Chính phủ Việt Nam đã ra Nghị định thành lập Tổng cục Dầu khí Việt Nam, cơ quan ngang bộ, để quản lý và điều hành công tác tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí trên phạm vi cả nước. Ngày này được xem là ngày ra đời của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam.

Từ ngày ra đời, ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam đã không ngừng phát triển, và đã mang về cho đất nước hàng trăm triệu đô la (bảng 1) góp phần đưa nước ta ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nghiên cứu số liệu ở bảng 1 chúng ta thấy rõ tốc độ phát triển vượt bậc đó trong thời gian qua và sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ lớn nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII là: năm 2000 khai thác 20 triệu tấn, năm 2020 khai thác 30 - 40 triệu tấn tương đương dầu (1)...

Bảng 1: Đóng góp của công nghiệp dầu khí cho nền kinh tế giai đoạn 1991 - 1997.

Năm	Sản lượng dầu thô (Triệu tấn)	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)	Tổng kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)
91	3,957	593	2.087
92	5,501	825	2.581
93	6,312	946	2.985
94	6,917	976	3.600
95	7,700	1.193	5.300
96	8,803	1.360	7.100
97	10,119	1.413	8.700
2000	20*		
2010	30-40*		

Nguồn: Các tài liệu đã công bố chính thức (6) (7) (9) (10) (*)-Kế hoạch của Đại hội VIII

Khẳng định tầm quan trọng của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam, chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã chỉ rõ: "Một trong những ngành trọng điểm mũi nhọn cần quan tâm là công nghiệp dầu khí vì nó là cơ sở cho việc hoạch định chiến lược phát triển các lĩnh vực khác của nền kinh tế quốc dân, phải xây dựng ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam hoàn chỉnh, đồng bộ từ khâu đầu đến khâu cuối và thực sự trở thành một tổ hợp công nghiệp lớn bao gồm thăm dò, khai thác, tàng trữ, phân phối, chế biến, xuất nhập khẩu..."(2).

II. NHU CẦU ĐÀO TẠO VÀ CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ

1. Ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn: gần như không tiền vốn, không kỹ thuật và không chuyên gia; đến nay chúng ta đã học tập được kinh nghiệm quản lý, tiếp thu được công nghệ hiện đại, đã thay thế được chuyên gia Liên xô điều hành xí nghiệp liên doanh VIETSOVPE-TRO - xương sống của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam. Phải nói rằng chúng ta đã thu nhận được lợi ích quản lý và công nghệ lớn hơn lợi ích kinh tế nhiều lần.

Các chuyên gia Việt Nam trong ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam chủ yếu được đào tạo từ Liên Xô và Rumani. Một số trong đó sau khi tốt nghiệp đại học

tạo kỹ sư dầu khí thống nhất.

3. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (PV) là doanh nghiệp Nhà nước do Chính phủ Việt Nam thành lập để tiến hành các hoạt động dầu khí và ký kết hợp đồng dầu khí với tổ chức cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí (4). Nhưng cho đến nay PV chưa thực sự tiến hành các hoạt động dầu khí mà phải "Chuẩn bị tốt các mặt để mau chóng có thể tự lực triển khai công việc này trong tương lai gần" (8). Đồng thời PV cũng sẽ tiến hành các hoạt động dầu khí ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Chính vì vậy mà nhu cầu kỹ sư dầu khí của PV sẽ tăng lên đáng kể.

4. Chấp hành nghị quyết 15/NQ-TW năm 1988 của Bộ Chính trị, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đã xây dựng chiến lược phát triển ngành công nghiệp

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ

NGUYỄN HOÀNG THỤY

Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh

ở nước ngoài về đã phân tán làm việc ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sản xuất ngoài ngành dầu khí. Bắt đầu từ khi thành lập Tổng cục Dầu khí, họ được tập hợp dần về đây để xây dựng và phát triển. Nhưng nguồn lực này đến nay đã cạn; mặt khác họ cũng đã có tuổi nên cần phải chuẩn bị lực lượng thay thế.

Sau 5 năm kể từ lúc chúng ta khai thác tấn dầu đầu tiên thì hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, nguồn đào tạo cung ứng kỹ sư dầu khí cho Việt Nam bị cắt đứt.

Ở trong nước, cho đến nay, sau hơn 20 năm, chưa có đơn vị nào được tổ chức hoàn chỉnh, đủ điều kiện thuận lợi để đào tạo - cung ứng kỹ sư cho ngành công nghiệp dầu khí. Hay nói đúng hơn là chưa có đơn vị nào được giao nhiệm vụ đào tạo kỹ sư dầu khí theo tư duy xuyên suốt "từ khâu đầu đến khâu cuối" mà rải rác ở nơi này đào tạo kỹ sư khoan, nơi khác đào tạo kỹ sư hoá dầu, nơi kia đào tạo kỹ sư địa chất dầu, v.v... Ở mỗi nơi có điều kiện đào tạo khác nhau: nơi thuận lợi, nơi khó khăn, có những nơi không có điều kiện nhưng cũng cứ đào tạo. Sự manh mún này đã có tác hại là phá hủy tư duy hệ thống mang tính thống nhất đào tạo cho một ngành công nghiệp dầu khí thống nhất. Đó là chưa nói đến tác động xấu của cơ chế thị trường vào nhà trường làm cho một số đơn vị đào tạo đã chạy theo doanh thu mà quên đi trách nhiệm đối với sự nghiệp phát triển quốc gia, dân tộc.

2. Để bảo đảm cung cấp đủ nhân lực nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đề ra cần thiết phải tổ chức một cơ sở đào

dầu khí Việt Nam đến năm 2010. Trong đó, nhiệm vụ đầu tiên là: "Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò trên toàn bộ lãnh thổ và thềm lục địa Việt Nam (kể cả Đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long); đánh giá được tiềm năng dầu khí của đất nước, trên cơ sở đó tiếp tục thu hút các khoản đầu tư lớn của nước ngoài vào lĩnh vực tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí"(7). Đến nay công tác tìm kiếm thăm dò mới được tiến hành chỉ ở mức trên 30% diện tích được phân lô. Như vậy nhiệm vụ còn lại của PV đến năm 2010 là rất nặng nề và phải cần đến một lực lượng cán bộ kỹ thuật lớn mới có thể hy vọng hoàn thành.

5. Trên lãnh thổ Việt Nam có mặt hơn 50 công ty dầu khí từ hơn 20 quốc gia khác nhau, điều đó thể hiện rõ nét đặc điểm quốc tế của ngành công nghiệp dầu khí. Đối với họ, việc sử dụng kỹ sư dầu khí Việt Nam có hai lợi ích lớn: một là tiền lương cho kỹ sư dầu khí Việt Nam chỉ bằng 1/10 lương phải trả cho kỹ sư nước khác trên cùng một nhiệm vụ; hai là quản lý hành chính người nước ngoài ở Việt Nam phức tạp hơn là quản lý người Việt Nam. Vì lẽ đó mà họ luôn luôn có nhu cầu tuyển dụng kỹ sư Việt Nam có trình độ khu vực Đông Nam Á.

Về phía Việt Nam, đào tạo và cung ứng kỹ sư dầu khí Việt Nam cho các công ty dầu khí nước ngoài là tiết kiệm tài nguyên quốc gia. Bởi vì Luật Dầu khí và Nghị định 84/CP đều cho phép nhà thầu thu hồi lại chi phí tìm kiếm thăm dò bằng dầu thô khai thác được. Có nghĩa là nhà thầu dùng tài nguyên dầu khí của ta để trả lương cao cho kỹ sư nước ngoài.

6. Trong xu thế khu vực hóa và

toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới mạnh mẽ hiện nay, sự hội nhập của Việt Nam vào trào lưu chung là tất yếu. Điều này thể hiện ở chỗ Việt Nam đã gia nhập vào ASEAN, tham gia hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (ASEM) mới đây đã gia nhập vào APEC và xúc tiến để gia nhập WTO... Mở rộng cửa để hội nhập đòi hỏi ta phải được khản trương chuẩn bị năng lực của mình thật chu đáo. Trước mắt, là thành viên của AFTA, Việt Nam phải thực hiện mọi nghĩa vụ và quyền hạn của mình, mà mục đích tối thượng của AFTA "là thiết lập một thị trường khu vực, trong đó các loại thuế quan đối với 15 nhóm sản phẩm vốn cao từ khoảng 40% được giảm đồng loạt ở tất cả các nước xuống mức độ chỉ còn từ 0 - 5% vào năm 2003 và các mối quan hệ mậu dịch sẽ không bị cản trở bởi các loại hàng rào phi quan thuế"(9). Tiến trình này "có thể xúc tiến sớm hơn 2003 như tinh thần của cuộc họp cấp cao ASEAN 5 tháng 12/1995 tại Bangkok" (9).

Điều này ảnh hưởng rất lớn đến lao động trong ngành công nghiệp dầu khí. Bởi lẽ trong số 10 quốc gia ASEAN (kể cả Campuchia sẽ tham gia trong thời gian gần) có đến 9 quốc gia có dầu mỏ (hoặc triển vọng có dầu mỏ) và như vậy các kỹ sư Việt Nam có cơ hội tìm việc làm trên một địa bàn rộng lớn hơn với "dân số 430 triệu người và thu nhập bình quân đầu người 1680USD" (9).

Vì vậy công tác đào tạo kỹ sư dầu khí có chất lượng khu vực để cung ứng cho thị trường rộng lớn này phải được đề cập ngay từ bây giờ.

Khu vực dầu khí Trung Á (SNG) có trữ lượng được xếp vào hàng thứ ba thế giới, sau Trung Đông và Siberi, đang được các công ty dầu khí quốc tế tiến hành các hoạt động dầu khí. SNG là vùng đất quen thuộc đối với người Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực dầu khí. Hiểu rõ điều này, các công ty dầu khí quốc tế đã bắt đầu mời chào các kỹ sư dầu khí và công nhân kỹ thuật Việt Nam sang Trung Á làm việc. Đây cũng là một cửa mở cho thị trường lao động dầu khí của chúng ta.

Tóm lại, thực tế phát triển của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam, khu vực ASEAN và thế giới đã làm áp lực cho nền giáo dục đại học Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo kỹ sư dầu khí.

III. GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO VÀ CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC DẦU KHÍ

Trước hết, đặc điểm quốc tế của ngành công nghiệp dầu khí đòi hỏi các cơ sở đào tạo kỹ sư dầu khí phải đảm bảo chất lượng quốc tế, chỉ ít cũng phải đạt chất lượng khu vực. Như vậy chi phí trung bình cần để đào tạo một kỹ sư dầu khí là cao hơn nhiều so với đào tạo một kỹ sư khác, bởi vì thiết bị thí nghiệm rất đắt tiền và chi phí thực tập sản xuất rất cao. Trong khi đó "mức chi cho giáo dục và đào tạo là 10,08% ngân sách đã là một nỗ lực

của Chính phủ Việt Nam nhưng dầu sao ta phải thừa nhận rằng tỉ trọng 10,08% ấy hãy còn quá thấp so với các nước trong khu vực. Singapore chi cho giáo dục 23%, Thái lan chỉ 21%, Trung quốc chỉ 16%"(3). Nếu chỉ sử dụng kinh phí đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp như hiện nay sẽ không thể đào tạo đạt chất lượng khu vực được. Các chi phí đào tạo chỉ có thể thỏa mãn bằng cách lấy từ quỹ đào tạo của các công ty dầu khí quốc tế, quốc gia và sự tài trợ của chính các công ty đó. Như vậy ở Việt Nam chỉ có thể tổ chức một cơ sở Đào tạo Đại học Dầu khí là hiệu quả nhất. Vậy cơ sở này được đặt ở đâu và lúc nào thì thành lập. Để có lời giải đúng chúng ta cần phân tích một số điểm sau đây:

1. Chính sách tiền lương của ta còn nhiều bất cập, lương khởi điểm của kỹ sư dầu khí làm cho các công ty dầu khí ít nhất gấp 10 lần lương khởi điểm của một kỹ sư dầu khí ở lại trường Đại học làm trợ giảng. Hậu quả là nhà trường thiếu cán bộ giảng dạy (CBGD). Tình trạng này không thể một sớm một chiều là khắc phục được mà cần phải lâu dài. Để vẫn bảo đảm đào tạo có chất lượng trong hoàn cảnh thiếu CBGD, chỉ còn con đường duy nhất là sử dụng đội ngũ chuyên gia dầu khí của các công ty dầu khí làm CBGD cộng tác. Như vậy cơ sở đào tạo phải nằm gần cơ sở sản xuất.

2. Thiết bị thí nghiệm rất đắt tiền, kinh phí của Bộ Giáo dục & Đào tạo cấp không thể mua sắm được mà phải có kinh phí từ quỹ đào tạo và sự tài trợ của các công ty dầu khí. Trước mắt trong khi chưa thể có được khoản kinh phí và sự tài trợ đó mà vẫn cần phải đào tạo kỹ sư dầu khí, chỉ còn một con đường là tranh thủ sử dụng phòng thí nghiệm của các cơ sở sản xuất phục vụ cho đào tạo. Như vậy điều kiện tốt vẫn là cơ sở đào tạo nằm gần cơ sở sản xuất.

3. Cho đến năm 2020 ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam sẽ phát triển ở thềm lục địa miền Nam là chủ yếu. Cơ sở, căn cứ, văn phòng của các công ty dầu khí đều nằm ở Bà Rịa - Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy cơ sở đào tạo dầu khí chỉ có thể đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đại học Quốc gia TP. HCM có một số thế mạnh:

a. Đại học Quốc gia TP. HCM là một trung tâm khoa học kỹ thuật mạnh và đa ngành ở Việt Nam. Do đó nó có đủ điều kiện nhất trong việc huy động cán bộ giảng dạy, cơ sở vật chất cho cơ sở đào tạo Đại học Dầu khí. Hơn nữa, thời gian qua trường Đại học Kỹ thuật thuộc Đại học Quốc gia TP. HCM đã đào tạo một số chuyên ngành dầu khí như công nghệ khoan - khai thác dầu khí, địa chất dầu khí, hóa dầu. Sinh viên ra trường đã được các công ty dầu khí quốc tế và quốc gia tiếp nhận và đánh giá chất lượng đào tạo gần ngang tầm với một số trường đại học trong khu vực Đông Nam Á.

b. Đại học Quốc gia TP. HCM là

trung tâm đào tạo mạnh nằm ngay trên địa bàn phát triển của ngành công nghiệp dầu khí, nên có thế mạnh mà trong toàn cõi Việt Nam không đâu có được. Đó là:

- Tận dụng được chất xám của các chuyên gia dầu khí, nhất là khắc phục được tình trạng thiếu CBGD chuyên ngành ở cơ sở đào tạo trong giai đoạn đầu xây dựng.

- Sinh viên khai thác được các thiết bị thí nghiệm của cơ sở sản xuất, khắc phục được tình trạng thiếu thiết bị thí nghiệm của cơ sở đào tạo

- Giảm thiểu chi phí thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp cho sinh viên và cho cơ sở đào tạo.

- Sinh viên ra trường có nhiều cơ hội tìm việc làm.

Từ những phân tích trên đây tác giả đề nghị các giải pháp tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp dầu khí tối ưu là:

(1). Cần nhanh chóng tổ chức Trường Đại học Dầu khí trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, muộn nhất là năm 2002.

(2). Để tiến tới thành lập Trường Đại học Dầu khí, ngay bây giờ cần thành lập Khoa dầu khí trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

(3). Cơ sở vật chất và nhân lực để xây dựng Khoa dầu khí cơ bản được tập hợp từ Khoa Địa chất - Dầu khí Trường Đại học Kỹ thuật và Bộ môn Dầu khí thuộc Khoa Địa chất Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia TP. HCM

(4). Khoa dầu khí, song song với nhiệm vụ đào tạo sinh viên, có nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy, cơ sở vật chất kỹ thuật và lập dự án thành trường dầu khí trình Giám đốc Đại học Quốc gia

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt nam. Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VIII. Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia. Hà Nội, 1996
2. Đảng Cộng sản Việt nam. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta đến năm 2000. NXB Sự thật. Hà Nội, 1991.
3. PTS. Đào Duy Huân. Thực trạng và triển vọng đào tạo nhân lực ở nước ta trong những năm tới. Tạp chí Phát triển Kinh tế. Số 82. Tháng 8 năm 1997. Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
4. Luật dầu khí. NXB Chính trị Quốc Gia. Hà Nội, 1993
5. Nghị định 84/CP. Hà Nội ngày 17 tháng 12 năm 1996.
6. Người Lao động, số ra ngày 7.2.1998.
7. Sài Gòn Giải phóng. Số ra ngày 26.8.1995 và ngày 4.2.1998.
8. Ngô Thường San. Dầu khí Việt Nam-hướng tới thế kỷ XXI. Tạp chí Dầu khí Số 1/1998. Tổng công ty dầu khí Việt Nam.
9. Thời báo Kinh tế Việt Nam. Số chuyên san 95-96. Số ra ngày 14.2.1998 và ngày 28.2.1998.
10. Nguyễn Hoàng Thụy. Tổ chức tự lực tìm kiếm thăm dò -khai thác dầu khí là góp phần gia tăng lợi tức quốc gia. Tạp chí Kinh tế địa chất và nguyên liệu khoáng. Số 3 năm 1997. Cục địa chất và khoáng sản Việt Nam